

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Bùi Quang Tr, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh Tr trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 11-12-2008. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng đầu năm 2020. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, bất đồng với nhau trong phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái nên nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi việc trong gia đình. Mâu

thuần vợ chồng theo thời gian ngày càng trầm trọng. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Anh Tr có lần đánh chị gây thương tích phải đi viện điều trị. Vợ chồng đã sống ly thân gần 02 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay, chị xét thấy mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, xin được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có 02 con chung là Bùi Ánh D, sinh ngày 10-12-2010 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-11-2012. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân đến nay, các con thường ở với chị. Các con đều có nguyện vọng được ở với chị. Chị có công việc là buôn bán hải sản, thu nhập ổn định hàng tháng là khoảng 15.000.000 đồng và có chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh Tr do công việc bận rộn nên cũng đồng ý để chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Vì vậy, chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc A và cháu D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Quang Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xây dựng hạnh phúc với chị Th trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh ở phường Vạn Sơn (nay là phường Hải Sơn), quận Đồ Sơn. Gia đình anh chuyển về sinh sống tại tổ dân phố C, phường N, quận Đ vào khoảng cuối năm 2017. Trong khoảng thời gian chung sống gần đây, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về mọi việc trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng theo thời gian ngày một trầm trọng. Vợ chồng ai làm người đó chi tiêu. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay, chị Th làm đơn xin ly hôn, anh cũng xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được, đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là Bùi Ánh D, sinh ngày 10-12-2010 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-11-2012. Chị Th muốn nhận nuôi cả 02 con thì anh cũng đồng ý. Anh sẽ có trách nhiệm với chị Th trong việc nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận rộn, anh không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải cho anh và chị Th. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại gia đình và tổ dân phố cho thấy: Trong thời gian chung sống gần đây chị Th và anh Tr thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc hay cãi vã. Nguyên nhân là do vợ

chồng quan điểm sống có nhiều sự bất đồng, khác biệt, thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau công việc trong gia đình. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Cháu Ánh D và cháu Ngọc A hiện đang ở cùng với chị Th.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Th kết hôn với anh Tr trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, Hải Phòng vào ngày 11/12/2008. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, khoảng đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, bất đồng với nhau về phát triển kinh tế gia đình, về cách nuôi dạy con cái. Gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay anh chị đang ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì. Tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn. Như vậy, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Điều Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Th được ly hôn với anh Bùi Quang Tr. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Ánh D, sinh ngày 10/12/2010 và cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 18/11/2012. Chị Th đề được nuôi cả hai cháu, anh Tr đồng ý, các cháu đều đề nghị được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, hiện nay các cháu đang ở với mẹ nên cần gia cháu D và cháu Ngọc A cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Th không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị Th ly hôn với anh Bùi Quang Tr; giao cháu Bùi Ánh D, cháu Bùi Ngọc A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi); chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Bùi

Quang Tr. Anh Tr có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Hang Dơi, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, chị Th và anh Tr vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh Tr.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Th và anh Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01/2008, ngày 11-12-2008. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Tr là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Chị Th và anh Tr kết hôn từ năm 2008. Trong khoảng thời gian gần đây, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn tình cảm dẫn đến cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về mọi việc trong gia đình, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau công việc trong gia đình. Vợ chồng độc lập với nhau về kinh tế, ai làm người đó chi tiêu. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn tình cảm. Vợ chồng hiện nay đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Chị Th xin ly hôn, anh Tr cũng đồng ý ly hôn với chị Th. Xét thấy, chị Th và anh Tr mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống chung, bỏ mặc mỗi người một nơi, đều không muốn tiếp tục chung sống. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th với anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị Th và anh Tr có 02 con chung là Bùi Ánh D, sinh ngày 10-12-2010 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-11-2012. Xét thấy, chị Th có nguyện vọng nhận nuôi cả 02 con và anh Tr cũng đề nghị giao các con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở, các con đều có nguyện vọng ở với chị Th và hiện đang sống cùng chị Th. Gia đình chị Th cũng cam đoan hỗ trợ chị Th trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, để phù hợp với điều kiện thực tế của chị Th và anh Tr, đảm bảo quyền lợi của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Th và anh Tr, giao cháu D và cháu Ngọc A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Th và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Th được ly hôn anh Bùi Quang Tr.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Bùi Ánh D, sinh ngày 10-12-2010 và cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 18-11-2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị Th và anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi chị Th và anh Tr có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007206 ngày 15-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Tr có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường N, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Sự Nguyễn Thị Loan

Phạm Hữu Trường

